

NGŨ VĂN 8 - TUẦN 13

Tiếng Việt

CÂU GHÉP (tiếp theo)

I. TÌM HIỂU BÀI

1. Quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu

a. Bài tập sgk/ Trang 123

VD₁: Vì trời mưa **nên** đường ngập nước.

→ Quan hệ nguyên nhân.

VD₂: Nếu trời mưa to **thì** khu phố này chắc chắn sẽ bị ngập nước.

→ Quan hệ điều kiện (giả thiết)

VD₃: Trời **càng** mưa to, đường **càng** ngập nước.

→ Quan hệ tăng tiến

b. Nhận xét:

=> Các vế câu ghép có quan hệ ý nghĩa với nhau khá chặt chẽ. Những quan hệ thường gặp là: quan hệ nguyên nhân, quan hệ điều kiện (giả thiết), quan hệ tương phản, quan hệ tăng tiến, quan hệ lựa chọn, quan hệ bổ sung, quan hệ tiếp nối, quan hệ đồng thời, quan hệ giải thích.

2. Lưu ý:

- Mỗi quan hệ thường được đánh dấu bằng những quan hệ từ, cặp quan hệ từ hoặc cặp từ hô ứng nhất định.

- Để nhận biết chính xác quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu -> phải dựa vào văn cảnh, hoàn cảnh giao tiếp.

II. GHI NHỚ: sgk/123

III. LUYỆN TẬP

Làm bài tập 1,2,3,4 SGK, trang 124, 125, 126

BÀI TẬP BỔ SUNG

Bài tập 1: ? Viết đoạn văn (6-8 câu) về tác hại của thuốc lá trong đó có sử dụng câu ghép. Gạch chân dưới câu ghép đó ?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài tập 2: Vẽ sơ đồ tư duy nội dung bài học.

Tập làm văn

LUYỆN NÓI: THUYẾT MINH VỀ MỘT THỨ ĐỒ DÙNG

I. CHUẨN BỊ Ở NHÀ

* **Đề bài:** Thuyết minh về cái phích nước (bình thủy).

1. Yêu cầu

- Trình bày: công dụng, cấu tạo, nguyên lí giữ nhiệt và cách bảo quản.

2. Quan sát và tìm hiểu

3. Lập dàn ý

a) **Mở bài:** Giới thiệu chung về các phích.

b) **Thân bài:**

- Trình bày cấu tạo:
- + Cấu tạo bên ngoài.
- + Cấu tạo bên trong.
- Trình bày cách sử dụng.
- Trình bày cách bảo quản.
- Công dụng của phích nước.

c) **Kết bài:** Khẳng định: phích nước là vật dụng quen thuộc và cần thiết cho mọi nhà.

II. LUYỆN NÓI TRÊN LỚP

1. Luyện nói trước lớp theo dàn ý đã chuẩn bị trong tổ (Nhóm) :

***Yêu cầu đề**

+ **Đề:** Thuyết minh về cái phích nước (bình thủy).

- Mỗi nhóm tập nói trong nhóm nội dung được phân công và chọn một HS trình bày trước lớp; Thời gian chuẩn bị (5 phút)
- Lắng nghe bạn trình bày và nhận xét.

2. Yêu cầu nói:

- **Phân thủ tục:** “Kính thưa ... cảm ơn!”,
- **Phần trình bày:** Chọn vị trí trình bày phần TM sao cho có thể nhìn thấy được người nghe.
- + Lựa chọn ngôn ngữ nói mạch lạc, rõ ràng, chính xác, lời nói đủ nghe, động tác...ngữ điệu hấp dẫn.

(sử dụng đồ dùng để phần trình bày cụ thể, sinh động. Hoặc chỉ trên màn hình máy chiếu)

- **Nội dung kiến thức TM:** Đầy đủ kiến thức, chính xác, Kiến thức phần sau phải tiếp nối ý phần trước.

III. LUYỆN TẬP

Câu 1: Dưới đây là hai bức ảnh quảng cáo cho hai chiếc cặp học sinh. Nếu em là nhà quảng cáo, em sẽ lựa chọn những thông tin gì để quảng cáo cho hai chiếc cặp (em sẽ chú trọng thông tin gì cho từng loại)



Hình 1: Ba lô chống gù
vỡ....



Hình 2: ba lô đựng laptop, sách

Câu 2: Hiện nay, kênh bán hàng online trên các trang mạng xã hội phát triển rất

mạnh mẽ, đặc biệt là bán trên facebook. Em hãy viết một bài quảng cáo đặc sản hoặc giới thiệu một cảnh đẹp ở địa phương em...cho mọi người trên facebook.

DẶN DÒ : Tuần 14 các em sẽ học các bài sau :

Ôn tập tổng hợp
Thuyết minh một thể loại văn học

Các em cần đọc – soạn trước các bài học trên.

TUẦN 13

Nội dung:

+Đại số: Giới thiệu nội dung lý thuyết và bài tập cơ bản “Phép cộng các phân thức đại số”, “Phéo trừ các phân thức đại số”(Học sinh ghi chép lý thuyết, ví dụ mẫu và thực hiện các bài tập cơ bản).

+Hình học: Giới thiệu nội dung lý thuyết và bài tập cơ bản “Đa giác, đa giác đều”, “Diện tích hình chữ nhật, diện tích tam giác” (Học sinh ghi chép lý thuyết, ví dụ mẫu và thực hiện các bài tập cơ bản).

ĐẠI SỐ:

PHÉP CỘNG CÁC PHÂN THỨC ĐẠI SỐ

A/ TÓM TẮT LÝ THUYẾT:

1. Cộng hai phân thức cùng mẫu:

Quy tắc: Muốn cộng hai phân thức cùng mẫu thức ta cộng các tử thức với nhau và giữ nguyên mẫu thức.

Ví dụ: Thực hiện phép cộng

$$\begin{aligned} a) & \frac{3x+1}{7x^2y} + \frac{2x+2}{7x^2y} \\ &= \frac{3x+1+2x+2}{7x^2y} = \frac{5x+3}{7x^2y} \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} b) & \frac{x^2}{3x+6} + \frac{4x+4}{3x+6} \\ &= \frac{x^2+4x+4}{3x+6} = \frac{(x+2)^2}{3(x+2)} \\ &= \frac{x+2}{3} = \frac{x+2}{3} \end{aligned}$$

2. Cộng hai phân thức không cùng mẫu:

Ví dụ: $\frac{6}{x^2+4x} + \frac{3}{2x+8}$

$$\frac{6}{x^2+4x} + \frac{3}{2x+8}$$

$$\begin{aligned}
&= \frac{6}{x(x+4)} + \frac{3}{2(x+4)} \quad (\text{MTC : } 2x(x+4)) \\
&= \frac{6.2}{2x(x+4)} + \frac{3.x}{2x(x+4)} \\
&= \frac{12+3x}{2x(x+4)} = \frac{3(x+4)}{2x(x+4)} = \frac{3}{2x}
\end{aligned}$$

Quy tắc: Muốn cộng hai phân thức khác mẫu thức ta quy đồng mẫu thức các phân thức rồi áp dụng quy tắc cộng các phân thức cùng mẫu.

?3

Thực hiện phép tính :

$$\frac{y-12}{6y-36} + \frac{6}{y^2-6y} = \frac{(y-12).y}{(y-6).6.y} + \frac{6.6}{(y-6).6.y} = \frac{(y-12).y+36}{(y-6).6.y} = \frac{y-6}{6y}$$

?4

Thực hiện phép tính :

$$\begin{aligned}
&\frac{2x}{x^2+4x+4} + \frac{x+1}{x+2} + \frac{2-x}{x^2+4x+4} \\
&= \frac{2x}{x^2+4x+4} + \frac{2-x}{x^2+4x+4} + \frac{x+1}{x+2} \\
&= \frac{x+2}{(x+2)^2} + \frac{x+1}{x+2} = \frac{x+2}{x+2} = 1
\end{aligned}$$

B/ BÀI TẬP

Thực hiện các phép tính sau

$$a / \frac{5xy-4y}{2x^2y^3} + \frac{3xy+4y}{2x^2y^3}$$

$$b / \frac{5}{2x^2y} + \frac{3}{5xy^2} + \frac{x}{y^3}$$

$$c / \frac{x+1}{2x+6} + \frac{2x+3}{x(x+3)}$$

$$d / \frac{3x+5}{x^2-5x} + \frac{x-25}{5x-25}$$

$$a / \frac{3}{2x} + \frac{3x-3}{2x-1} + \frac{2x^2+1}{4x^2-2x}$$

$$b / \frac{1-3x}{2x} + \frac{3x+2}{2x-1} + \frac{2-3x}{4x^2-2x}$$

$$c / \frac{1}{x^2+6x+9} + \frac{-1}{x^2-6x+9} + \frac{x}{x^2-9}$$

$$d / \frac{x}{x-2y} + \frac{x}{x+2y} + \frac{-4xy}{x^2-4y^2}$$

PHÉP TRỪ CÁC PHÂN THỨC ĐẠI SỐ

A/ TÓM TẮT LÝ THUYẾT:

1. Phân thức đối:

Hai phân thức được gọi là đối nhau nếu tổng của chúng bằng 0

Ví dụ: $\frac{3x}{x+1}$ là phân thức đối của $\frac{-3x}{x+1}$

Hay phân thức $\frac{-3x}{x+1}$ là phân thức đối của $\frac{3x}{x+1}$.

$$-\frac{A}{B} = \frac{-A}{B}; -\frac{-A}{B} = \frac{A}{B}$$

Ví dụ: $-\frac{1-x}{x} = \frac{x-1}{x}$

2. Phép trừ:

Quy tắc: Muốn trừ phân thức $\frac{A}{B}$ cho phân thức $\frac{C}{D}$, ta cộng $\frac{A}{B}$ với phân thức đối của $\frac{C}{D}$

$$\begin{aligned}\frac{A}{B} - \frac{C}{D} &= \frac{A}{B} + \left(-\frac{C}{D}\right) \\ &= \frac{A}{B} + \frac{-C}{D} \\ &= \frac{A}{B} + \frac{C}{-D}\end{aligned}$$

Ví dụ: Tính

$$\begin{aligned}&\frac{1}{y(x-y)} - \frac{1}{x(x-y)} \\ &= \frac{x}{xy(x-y)} - \frac{y}{xy(x-y)} \\ &= \frac{x-y}{xy(x-y)} = \frac{1}{xy}\end{aligned}$$

B/ BÀI TẬP

Thực hiện các phép tính sau:

a/ $\frac{4x-1}{3x^2y} - \frac{7x-1}{3x^2y}$

b/ $\frac{4x+5}{2x-1} - \frac{5-9x}{2x-1}$

c/ $\frac{3}{2x+6} - \frac{x-6}{2x(x+1)}$

d/ $\frac{2x}{2x+6} - \frac{x-2}{2x^2+6x}$

a/ $\frac{7x+6}{2x(x+7)} - \frac{3x+6}{2x^2+14x}$

b/ $\frac{-1}{5x^2-x} - \frac{25x-15}{25x^2-1}$

c/ $\frac{4x-4}{2x(x+3)} - \frac{x-3}{3x(x+1)}$

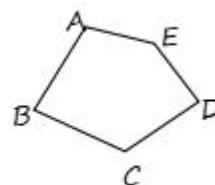
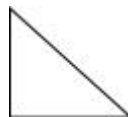
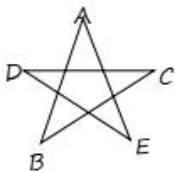
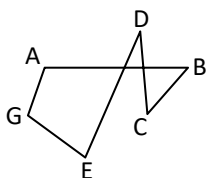
d/ $\frac{3x+1}{(x-1)^2} - \frac{1}{x+1} + \frac{-x-3}{x^2-1}$

HÌNH HỌC

ĐA GIÁC. ĐA GIÁC ĐỀU

TÓM TẮT LÝ THUYẾT:

1/ Khái niệm đa giác:



Đa giác ABCD là hình gồm năm đoạn thẳng AB, BC, CD, DE, EA, trong đó bất kỳ hai đoạn thẳng nào có một điểm chung cũng không cùng nằm trên một đường thẳng.

* AB, BC,..... gọi là cạnh của đa giác.

* A, B, C,..... gọi là đỉnh của đa giác.

2/ Định nghĩa đa giác lồi:

Đa giác lồi là đa giác luôn nằm trong một nửa mặt phẳng có bờ là đường thẳng chứa bất kì cạnh nào của đa giác đó.

Chú ý: Nếu không nói gì thêm thì một đa giác đã cho là đa giác lồi.

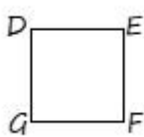
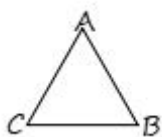
3/ Đa giác đều:

Định nghĩa: Đa giác đều là đa giác có tất cả các cạnh bằng nhau và tất cả các góc bằng nhau.

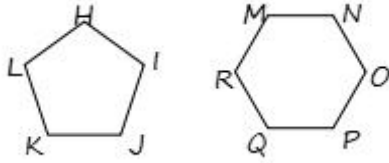
Đa giác đều là:

- Đa giác có:
- Các cạnh bằng nhau.
- Các góc bằng nhau.

Tam giác đều. Tứ giác đều



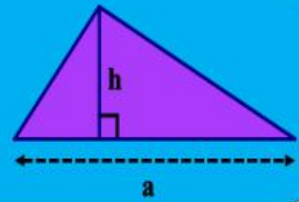
Ngũ giác đều. Lục giác đều



DIỆN TÍCH HÌNH CHỮ NHẬT - TAM GIÁC

A/ TÓM TẮT LÝ THUYẾT:

Diện tích tam giác bằng nửa tích của một cạnh với chiều cao tương ứng: $S = \frac{1}{2} \cdot a \cdot h$



Cạnh: $a = 3.0$ cm

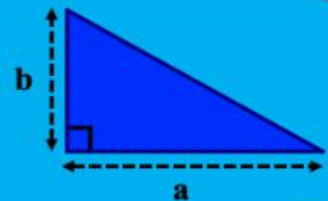
Chiều cao = 5.0 cm

Tính

Diện tích tam giác trên là:

$$S = \frac{1}{2} \cdot 3.0 \cdot 5.0 = 7.5 \text{ cm}^2$$

Diện tích tam giác vuông bằng nửa tích hai cạnh góc vuông: $S = \frac{1}{2} \cdot a \cdot b$



Cạnh GV1: $a = 6.0$ cm

Cạnh GV2: $b = 9.0$ cm

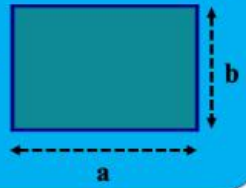
Tính

Diện tích tam giác vuông trên là:

$$S = \frac{1}{2} \cdot 6.0 \cdot 9.0 = 27.0 \text{ cm}^2$$

Diện tích hình chữ nhật bằng tích hai kích thước của nó:

$$S = a.b$$



Chiều dài: $a = 50.0$ cm

Chiều rộng: $b = 2.0$ cm

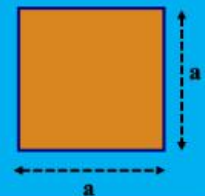
Tính

Diện tích hình chữ nhật trên là:

$$S = 50.0 \cdot 2.0 = 100.0 \text{ cm}^2$$

Diện tích vuông bằng bình phương cạnh của nó:

$$S = a^2$$



Cạnh: $a = 7.0$ cm

Tính

Diện tích hình vuông trên là:

$$S = 7.0^2 = 49.0 \text{ cm}^2$$

B/ BÀI TẬP:

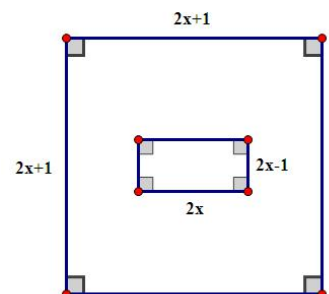
Bài 1: Một mảnh vườn hình vuông có độ dài cạnh là $2x + 1$ (m). Bên trong mảnh vườn người ta xây một hồ nước hình chữ nhật với độ dài cạnh là $2x$ (m) và $2x - 1$ (m).

1) Hãy viết biểu thức dạng thu gọn tính diện tích phần còn lại của mảnh vườn theo biến x .

2) Áp dụng tính diện tích phần còn lại của mảnh vườn với $x = 3$ m.

Hướng dẫn:

1/ Diện tích phần còn lại của mảnh vườn là:



$$\begin{aligned}
 & (2x+1)^2 - 2x \cdot (2x-1) \\
 &= 4x^2 + 4x + 1 - 4x^2 + 4x \\
 &= 8x + 1 \text{ (m}^2\text{)}
 \end{aligned}$$

2/ Thay $x = 3\text{m}$, ta được:

$$8 \cdot 3 + 1 = 25 \text{ m}^2$$

Vậy diện tích phần còn lại của mảnh vườn là 25 m^2

Bài 2: Ông Năm có một sân vườn hình chữ nhật. Ông muốn lát gạch bê tông giả đá toàn bộ sân vườn. Sau đó để sân vườn sang trọng hơn, xen giữa những viên gạch ông Năm có trồng cỏ nhung Nhật Bản. Số lượng gạch đã dùng là 100 viên hình vuông cạnh 50cm. Diện tích phần trồng cỏ bằng $\frac{1}{5}$ diện tích lát gạch.

a) Tính diện tích gạch bê tông và diện tích trồng cỏ mà ông Năm đã sử dụng?

b) Trên thị trường, hiện tại giá cỏ nhung Nhật Bản là 55 000 đồng/ m^2 . Hỏi số tiền cần để mua cỏ nhung Nhật Bản là bao nhiêu?

Hướng dẫn:

a/ Diện tích gạch bê tông:

$$50 \cdot 50 \cdot 100 = 250\,000 \text{ (cm}^2\text{)} = 25 \text{ (m}^2\text{)}$$

Diện tích trồng cỏ:

$$25 \cdot \frac{1}{5} = 5 \text{ (m}^2\text{)}$$

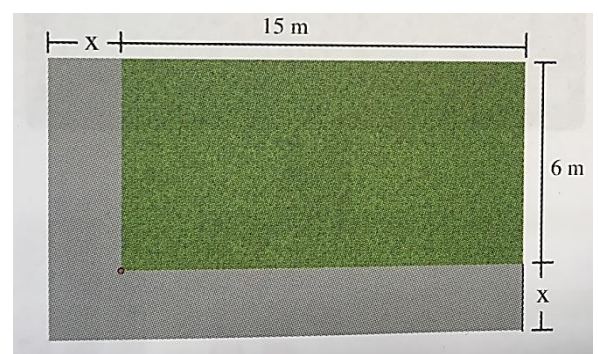
b/ Số tiền cần để mua cỏ:

$$5 \cdot 55\,000 = 275\,000 \text{ (đồng)}$$

Vậy cần 275 000 đồng để mua cỏ

BÀI TẬP VỀ NHÀ:

Bài 1: Người ta làm một lối đi theo chiều dài và chiều rộng của một vườn rau hình chữ nhật như hình bên dưới. Biết rằng vườn rau có chiều dài 15m, chiều rộng 6m, diện tích vườn rau hơn



diện tích lối đi là 68 m^2 .

a) Tính diện tích vườn rau ?

b) Tính số đo của x trong hình vẽ ?

Bài 2: Sàn phòng khách nhà của bác An có dạng hình chữ nhật. Biết chiều dài được lát 18 viên gạch, chiều rộng được lát 12 viên gạch. Mỗi viên gạch có kích thước $40\text{cm} \times 40\text{cm}$.

1) Tính chiều dài, chiều rộng của căn phòng.

2) Hỏi diện tích sàn phòng khách nhà bác An là bao nhiêu mét vuông?

3) Gần tết bác An muốn nhà trở nên khang trang hơn nên đã thay toàn bộ gạch lát sàn phòng khách thành loại gạch $60\text{cm} \times 60\text{cm}$. Hãy tính tiền bác An cần mua gạch để lát sàn phòng khách? với giá là 85000 đồng /viên gạch.

TIẾNG ANH 8 – TUẦN 13
UNIT 7: MY NEIGHBORHOOD
WORD FORM + EXERCISES

NO	VERB	NOUN	ADJECTIVE	ADVERB	MEANING
1	celebrate	celebration	celebrated		Tổ chức
2		comfort	comfortable		Tiện nghi
3	discuss	discussion	discussible		Thảo luận
4	produce	production product	productive		Sản xuất
5		quickness	quick	quickly	nhANH
6	specialize	specialist	special	specially	Đặc biệt
7	taste	taste	tasty		Nếm, hương vị
8		neighbor neighborhood			Hàng xóm
9	notice	notice	noticeable	noticeably	
10		convenience	convenient	conveniently	Tiện nghi
11	reside	resident	residential	residentially	Cư ngụ
12	select	selection	selective		Lựa chọn

PHIẾU BÀI TẬP

I. CAUTION SIGNS – WARNINGS

1. What does this sign mean? 	A. Do not shake hands without smiling . B. Life is better when you are laughing . C. Smile instead of shaking hands . D. Smile is a way to solve the problem . .
2. What does this sign mean? 	A. No parking allowed B. No partying C. No pedestrians allowed D. No passing allowed
3. What does this sign mean? 	A. Study zone Quiet zone Detention room Testing in progress
4. What does this sign mean? 	A. Take out the garbage B. All trash must be in bags C. Recycle bottles only D. All trash must put in the container
5. What does this sign mean?	A. This property is protected by video surveillance

NOTICE



B. The older you get , the farther from the camera you need to be .

C. The camera is a mirror with a memory , but it cannot think .

D. Smile when you're on camera .

II. WORD FORMS

1. She has never _____ anything like it . (tasty)
2. I don't know how to cook , so the meat was dry and _____. (taste)
3. I read that book many times because I found it _____. (interest)
4. They do a really _____ chicken and mushroom soup . (taste)
5. They are getting along with their _____. (neighborhood)
6. The internet is a fast and _____ way for us to communicate with friends. (convenience)
7. Rice cooked in clay pot is one of the _____ in this restaurant. (special)
8. When would be a _____ time for you to meet me? (convenience)
9. They have just had a _____ journey to Da Lat. (comfort)
10. His company exports many farm _____. (production)
11. In this resort , you can enjoy all the comfort and _____ of modern tourism. (convenient)
12. The stores in mall will offer a wide _____ of products (select)
13. After _____, they decided to accept our offer. (discuss)
14. Rice is Vietnam's main _____. (produce)
15. My new shoes are very _____, they make my feet hurt. (comfort)
16. It's very _____ for her to call me after midnight.(convenience)
17. I don't like the _____ of olives . (tasty)
18. The food was nice , but the _____ wasn't good . (serve)
19. We grew up in the same _____. (neighbor)
20. The hotel is _____ situated close to the beach . (convenience)

III. SENTENCE REARRANGEMENT

1. to send it / surface mail / do you want / airmail or / ?

Do you want _____

2. this neighborhood / you will / I am sure / like / very much/

I am sure _____

3. have been / for a few months / concerned / the residents and store owners / about the new mall /

The residents and store owners _____

4. in comfort / the weather / and / won't notice / customers will shop /

Customers will shop _____

5. is opening / neighborhood today / in / Nam's / A new shopping mall /

A new shopping mall _____

6. the situation/ they have organized / in order / a community meeting / to discuss

They have organized _____

7. for the new play / pick up / on your way home ?/the tickets / Can you

Can you _____

8. because he needs / to the mall /to drive him/ for school./ Bill asked you / to buy some things

Bill asked you _____

9. a 10% / They are/ this month ./ on all items /offering / discount

They are _____

10. It's/ in the mall / and convenient / than in the market ./ more comfortable/to shop

It's _____

IV. Rewrite.

1. My father started to read that book two weeks ago, and he is still reading it.
→My father has _____
2. The last time I saw him was in 2005.
→I haven't _____
3. It is three years since I last wrote to her.
→The last _____
4. This is the first time I have been to Hanoi.
→I haven't _____
5. We haven't seen Ann for years.
→It's years _____
6. He hasn't written to his parents for two months.
→The last time _____
7. I haven't been able to see them for over a year.
→It is _____
8. It's years since we decorated this room.
→We haven't _____
9. Fiona has been typing the report for an hour.
→It is an hour since _____
10. It's the first time I've been to a flower shop.
→I haven't _____
11. He last heard from his family two years ago.
→It is two years since _____
12. It's a long time since I last met her.
→I have _____
13. Mike has never been to the capital before.
→This is the first _____
14. We started working for this company seven years ago.
→We have _____
15. The last time I went swimming was when I was in France.
→I haven't _____
16. I haven't eaten this kind of food before.
→This is the first _____
17. How long have Catherine and Henry been engaged?
→When _____
18. The last time it rained was a fortnight ago.
→It hasn't _____
19. He hasn't been back to his hometown for over twenty years now.
→It has been over _____
20. Lucy hasn't worn that dress since Barbara's wedding.
→The last time _____

VẬT LÝ 8 TUẦN 13

Bài 9 : ÁP SUẤT KHÍ QUYỂN

1. Thí nghiệm 1

C1 : khi hút bớt không khí trong vỏ hộp ra, thì áp suất không khí bên trong hộp nhỏ hơn áp suất không khí bên ngoài, nên vỏ hộp chịu tác dụng của áp suất không khí bên ngoài vào làm vỏ hộp bị bẹp theo mọi phía

2. Thí nghiệm 2

C2 : nước không chảy ra khỏi ống vì áp lực của không khí vào nước từ dưới lên lớn hơn trọng lượng của cột nước. (Áp lực của không khí bằng trọng lượng của cột nước cao 10,37 m)

C3 : nếu bỏ ngón tay bịt đầu trên của ống ra thì nước sẽ chảy ra khỏi ống, vì khi đó khí trong ống thông với khí quyển, áp suất không khí cộng với áp suất cột nước trong ống lớn hơn áp suất khí quyển, bởi vậy làm nước trong ống chảy ra.

3. Thí nghiệm 3

C4 : Khi rút hết không khí trong quả cầu ra thì áp suất trong quả cầu bằng 0, khi đó vỏ quả cầu chịu tác dụng của áp suất khí quyển từ mọi phía làm hai bán cầu ép chặt với nhau

4. Kết luận

Trái đất và mọi vật trên trái đất đều chịu tác dụng của áp suất khí quyển theo mọi phương

Áp suất khí quyển bằng áp suất của cột thủy ngân cao 76 cm.

1. Tiêu hóa và các cơ quan tiêu hóa

1. Thức ăn và sự tiêu hóa

- Thức ăn gồm các chất vô cơ và hữu cơ.
- Hoạt động tiêu hóa gồm: Ăn, đẩy thức ăn, tiêu hóa thức ăn, hấp thụ dinh dưỡng, thải phân.
- Nhờ quá trình tiêu hóa, thức ăn biến đổi thức ăn thành chất dinh dưỡng và thải cặn bã.

2. Tìm hiểu các cơ quan tiêu hóa

- Ống tiêu hóa gồm: Miệng, hầu, thực quản, dạ dày, ruột (Ruột non, ruột già) hậu môn.
- Tuyến tiêu hóa gồm: Tuyến nước bọt, tuyến gan, tuyến tụy, tuyến vị, tuyến ruột.

Các cơ quan trong ống tiêu hoá	Tuyến tiêu hoá và sản phẩm tiết
Miệng, hầu, thực quản, dạ dày, ruột, hậu môn	-Tuyến gan -Tuyến nước bọt: tiết nước bọt -Tuyến ruột : tiết dịch ruột -Tuyến vị: tiết dịch vị

2 . Tiêu hóa ở Khoang miệng

a. Tiêu hóa ở khoang miệng

Biến đổi thức ăn ở khoang miệng	Các hoạt động tham gia	Cơ quan hay tế bào thực hiện	Tác dụng của hoạt động
Sự biến đổi lý học	-Tiết nước bọt -Nhai -Đảo trộn thức ăn -Tạo viên thức ăn	-Các tuyến nước bọt -Răng -Răng lưỡi, các cơ -Răng lưỡi, các cơ	-Làm ướt và mềm thức ăn -Làm mềm và nhuyễn thức ăn -Làm t/ăn thêm ẩm nước bọt -Tạo viên t/ăn vừa nuốt
Sự biến đổi hoá học	Hoạt động của Enzim Amilaza trong nước bọt	Enzim Amilaza	Biến đổi một phần tinh bột (chín) trong t/ăn thành đường Mantozo

b. Nuốt và đẩy thức ăn qua thực quản

- Nhờ hoạt động của lưỡi thức ăn được đẩy xuống thực quản.
- Thức ăn qua thực quản xuống dạ dày nhờ hoạt động của các cơ thực quản.

HÓA 8

LUYỆN TẬP

Câu 1: Cho hợp chất C_2H_5OH . Số nguyên tử H có trong hợp chất là:

- A. 1
- B. 5
- C. 3
- D. 6

Câu 2: Tính thành phần phần trăm khối lượng của nguyên tố K có trong phân tử K_2CO_3

- A. 56,502%
- B. 56,52%
- C. 56,3%
- D. 56,56%

Câu 3: Thành phần phần trăm khối lượng của nguyên tố Na có trong Na_2SO_4 là?

- A. 25%.
- B. 32,39%.
- C. 31,66%.
- D. 38%.

Câu 4: Tính thành phần phần trăm khối lượng nguyên tố Mg có trong 1 mol MgO ?

- A. 60%
- B. 40%
- C. 50%
- D. 45%

Câu 5: Thành phần phần trăm theo khối lượng của nguyên tố Fe có trong hợp chất Fe_2O_3 là:

- A. 70%
- B. 30%
- C. 40%
- D. 60%

Câu 6: Khối lượng của mỗi nguyên tử Al và O có trong 30,6 gam Al_2O_3 là:

- A. 16 gam và 14,6 gam.
- B. 14,4 gam và 16,2 gam.
- C. 16,2 gam và 14,4 gam.
- D. 14,6 gam và 16 gam.

Câu 7: Tính khối lượng Al_2O_3 biết số mol Al có trong hợp chất là 0,6 mol?

- A. 30,6 gam
- B. 31 gam
- C. 29 gam
- D. 11,23 gam

Câu 8: Tính khối lượng của Fe trong 92,8 g Fe_3O_4

- A. 67,2 gam
- C. 80 gam
- B. 25,6 gam
- D. 10 gam

Câu 9: Tỉ số về số mol của các nguyên tố C, H, O có trong $\text{C}_3\text{H}_6\text{O}_2$ là:

- A. 3 : 6 : 2
- C. 36 : 6 : 32
- B. 1 : 3 : 1
- D. 12 : 6 : 16

Câu 10: Tính tỉ số về khối lượng giữa các nguyên tố Ca, O, H trong hợp chất $\text{Ca}(\text{OH})_2$?

- A. 40 : 32 : 3
- C. 10 : 8 : 1
- B. 20 : 16 : 1
- D. 40 : 16 : 2

Câu 11: Đốt cháy hoàn toàn 0,24g magie trong không khí, người ta thu được 0,4g magie oxit. Em hãy tìm công thức hóa học đơn giản của magie oxit.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 12: Một loại oxit sắt có thành phần là: 7 phần khối lượng sắt kết hợp với 3 phần khối lượng oxi. Em hãy cho biết:

- a) Công thức phân tử của oxit sắt, biết công thức phân tử cũng chính là công thức đơn giản.
- b) Khối lượng mol của oxit sắt tìm được ở trên.

.....

.....

.....

.....

.....
.....
.....
.....
.....
.....

Câu 13: Phân đạm ure có công thức hóa học là $\text{CO}(\text{NH}_2)_2$. Hãy xác định:

- a) Khối lượng mol phân tử của ure.
- b) Thành phần phần trăm (theo khối lượng) các nguyên tố trong phân đạm ure.
- c) Trong 2 mol phân tử ure có bao nhiêu mol nguyên tử của mỗi nguyên tố.

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

TUẦN 13 – LỊCH SỬ 8

NỘI DUNG BÀI HỌC

Chương III. CHÂU Á GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918 – 1939)

Bài 19. NHẬT BẢN GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918 – 1939)

I. NHẬT BẢN SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT.

- Kinh tế phát triển không ổn định, nông nghiệp lạc hậu.
- Đời sống người dân khó khăn.
- Phong trào công nhân diễn ra sôi nổi.
- Năm 1922 Đảng cộng sản thành lập.

II. NHẬT BẢN TRONG NHỮNG NĂM 1929 – 1939.

- Năm 1927 Nhật lâm vào cuộc khủng hoảng tài chính.
- Cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 – 1939 đã làm nền kinh tế suy thoái nặng nề.
- Chính quyền Nhật chủ trương quân sự hóa đất nước, gây chiến tranh xâm lược.
- Tháng 9/1931 đánh chiếm đông bắc Trung Quốc.
- Trong thập niên 30 chế độ phát xít thành lập.
- Các cuộc đấu tranh dưới sự lãnh đạo của đảng cộng sản diễn ra dưới nhiều hình thức góp phần làm chậm lại quá trình phát xít hóa.
- Chính quyền Nhật Bản gây chiến tranh xâm lược, bành trướng ra bên ngoài để làm gì?

+ Thoát khỏi khủng hoảng kinh tế

+ Giải quyết khó khăn về nguyên liệu và thị trường tiêu thụ.

- Quá trình phát xít hóa ở Nhật có nét gì khác so với ở Đức?

Ở Đức, quá trình phát xít hóa diễn ra thông qua sự chuyển đổi từ chế độ dân chủ tư sản sang chế độ chuyên chế độc tài phát xít. Còn ở Nhật, do đã có sẵn chế độ chuyên chế Thiên hoàng nên quá trình này diễn ra thông qua việc quân phiệt hóa bộ máy nhà nước và tiến hành chiến tranh xâm lược.

TUẦN 13 – LỊCH SỬ 8
NỘI DUNG BÀI HỌC

Bài 20. PHONG TRÀO ĐỘC LẬP DÂN TỘC Ở CHÂU Á
(1918 – 1939) tiết 1

I. NHỮNG NÉT CHUNG VỀ PHONG TRÀO ĐỘC LẬP DÂN TỘC Ở CHÂU Á

- Do ảnh hưởng cách mạng tháng 10 Nga, nhân dân các nước cực khổ.
- Đầu thế kỉ XX, các nước Đông Nam Á đều là thuộc địa của CNDQ (trừ Xiêm).
- Phong trào diễn ra mạnh mẽ và lan rộng ở nhiều nơi.
- Giai cấp công nhân tích cực tham gia đấu tranh và giữ vị trí lãnh đạo, đảng cộng sản ra đời ở các nước.
- Tầng lớp trí thức mới hướng cuộc đấu tranh theo con đường dân chủ tư sản.

HẾT

ĐỊA 8

ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN KHU VỰC ĐÔNG Á

1. Vị trí địa lí và phạm vi khu vực Đông Á

- Khu vực Đông Á gồm các quốc gia và vùng lãnh : Trung Quốc, Nhật Bản, CHDCND Triều Tiên, Hàn Quốc và Đài Loan
- Khu vực gồm 2 bộ phận:Đất liền và Hải Đảo

2 Đặc điểm tự nhiên của khu vực Đông Á:

a, Địa hình, khí hậu và cảnh quan tự nhiên:

***Phần phía đông và Hải đảo**

- Phía đông: Vùng đồi, núi thấp xen với những đồng bằng, đồng bằng: rộng, bằng phẳng
- Hải đảo: Vùng núi trẻ, núi lửa, động đất đang hoạt động có khí hậu gió mùa ẩm
- + Mùa đông:gió mùa tây bắc rất lạnh và khô
- + Mùa hè: Có mùa đông nam, mưa nhiều
- + Cảnh quan: Rừng cận nhiệt đới

***Phần phía tây đất liền:**

- Núi cao hiểm trở, sơn nguyên đồ sộ, bồn địa cao rộng
- Khí hậu cận nhiệt lục địa quanh năm khô
- Cảnh quan: Thảo nguyên khô, hoang mạc

b,Sông ngòi:

- Khu vực có 3 sông lớn:A mua, Trường Giang, Hoàng Hà.
- Các sông lớn bồi tụ lượng phù sa cho các đồng bằng ven biển.

HẾT

BÀI 11: LAO ĐỘNG TỰ GIÁC VÀ SÁNG TẠO (tiết 1)

I. Đặt vấn đề (HS tự tìm hiểu)

1. Tình huống
2. Truyện đọc “Ngôi nhà không hoàn hảo”

II. Nội dung bài học:

3. Ý nghĩa:

- Giúp tiếp thu kiến thức, kỹ năng ngày càng thuần thục,
- Phẩm chất và năng lực của mỗi cá nhân sẽ được hoàn thiện,
- Phát triển không ngừng chất lượng, hiệu quả học tập, lao động sẽ ngày càng được nâng cao.

III. Bài tập

❖ **Cả lớp chia thành các nhóm từ 5-6 người (sao cho phù hợp với sĩ số lớp)**

LÀM BÀI THUYẾT TRÌNH PP tìm hiểu chi tiết về 1 ngành/ nghề mà em cho là cần sự tự giác và sáng tạo (**1 file pp** bao gồm hình ảnh, nội dung chú thích ngắn gọn và **1 file word** về nội dung chi tiết-ko cần hình ảnh)

Tham khảo gợi ý sau để tìm và thiết kế nội dung bài PP

- Giới thiệu ngành/ nghề đã chọn, lý do chọn ngành nghề này
- Tình hình việc làm/ trạng thái (thiếu, dư, hot,...) hiện nay của ngành nghề đó
- Những đặc thù/ đặc trưng của ngành nghề đó → sự tự giác và sáng tạo thể hiện như thế nào thông qua những đặc trưng đó
- Tổng kết: Nhận định của nhóm về ngành nghề này hiện nay, trong tương lai

HẠN CHÓT: CHỦ NHẬT 5/12/2021

Các nhóm nộp cho lớp trưởng/ lớp phó, tổng kết nộp cho GV qua zalo

IV. Dặn dò

- *Xem lại bài*
- **LÀM THEO YÊU CẦU III.BÀI TẬP**

CÔNG NGHỆ 8

BÀI 30: BIẾN ĐỔI CHUYỂN ĐỘNG

<https://www.youtube.com/watch?v=miKan1vdqyM>

I/ Tại sao cần biến đổi chuyển động?

Từ một chuyển động có sẵn, muốn biến thành các dạng chuyển động khác cần phải có cơ cấu biến đổi chuyển động

II/ Các cơ cấu biến đổi chuyển động :

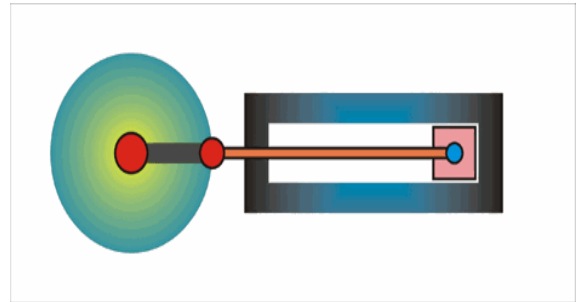
1./ Cơ cấu biến chuyển động quay thành tịnh tiến và ngược lại (Cơ cấu tay quay – con trượt)

a/Cấu tạo: gồm

- Tay quay 1
- Thanh truyền 2
- Con trượt 3
- Giá 4

b/ Nguyên lý làm việc :

Khi tay quay 1 quay đều thì con trượt 3 sẽ chuyển động tịnh tiến



c/ Ứng dụng :sgk

2/ Cơ cấu biến chuyển động quay thành chuyển động lắc (Cơ cấu tay quay – thanh lắc) :

Hs đọc SGK

NỘI DUNG ÔN TẬP HKI MÔN CÔNG NGHỆ 8

Câu 1: Dựa vào dấu hiệu nào để nhận biết và phân biệt các vật liệu kim loại?

- Nhận biết vật liệu kim loại
- Phân biệt các vật liệu kim loại
- Vẽ sơ đồ vật liệu cơ khí

Câu 2: Chọn vật liệu để chế tạo chi tiết máy các em cần dựa vào những yếu tố :

Câu 3: Hãy nêu trình tự đọc bản vẽ chi tiết và nội dung cần hiểu mà em biết?

Câu 4: Hãy nêu trình tự đọc bản vẽ lắp và nội dung cần hiểu mà em biết?

Câu 6: Chi tiết máy và lắp ráp

- Chi tiết máy là gì ? Chi tiết máy được ghép nối với nhau như thế nào? Cho ví dụ
- Vẽ sơ đồ các mối lắp ghép chi tiết, ví dụ minh họa

Câu 7: Mối ghép động

Thế nào là mối ghép động ?

Có 2 loại khớp động thường gặp là:

- Khớp tịnh tiến.

a. Cấu tạo :

b. Đặc điểm :

- Khớp quay.

a. Cấu tạo :

b. Đặc điểm

Nêu tên khớp động có trong một máy móc cụ thể? Nêu vị trí ứng dụng khớp động trong máy đó?

Câu 8: Tại sao cần truyền chuyển động? Phạm vi ứng dụng của từng bộ chuyển động.

Trong máy cần bộ truyền chuyển động vì :

Gồm có: Truyền động ma sát-Truyền động đai. Ví dụ:

Truyền động ăn khớp :

- Truyền động xích :
- Truyền động bánh răng :

Phạm vi ứng dụng của từng bộ chuyển động.

Truyền động ma sát-Truyền động đai.

Truyền động ăn khớp :

- Truyền động xích :
- Truyền động bánh răng :

Câu 9: Em hãy định nghĩa khối đa diện: khối hình hộp CN, hình lăng trụ đều, hình chóp đều?

: **Khối đa diện:**

- Các hình chiếu là hình gì ?
- Cho biết kích thước các hình chiếu?

Hình	Hình chiếu	Hình dạng	Kích thước
1	Đứng		
2	Bằng		
3	Cạnh		

Bài tập :

3. Cơ cấu truyền động đai có bánh dẫn là 30 cm quay theo chiều kim đồng hồ với tốc độ 150 vòng/ph, bánh bị dẫn có 66 cm. Tính tỉ số truyền i và tốc độ của bánh bị dẫn? Hai bánh có chiều quay như thế nào? Muốn thay đổi chiều quay của bánh bị dẫn ta làm sao?

Tóm tắt

$D_1 =$

$D_2 =$

$n_1 =$

$n_2 =$

$i = ?$

Tỉ số truyền :

Ta có: $i = \quad =$

Tốc độ quay của bánh bị dẫn là:

$$i = \frac{n_2}{n_1} = \quad =$$

$$n_2 = n_1 \times \quad = n_1 \times \quad \rightarrow n_2 = .$$

Hai bánh có chiều quay....., Muốn thay đổi chiều quay của bánh bị dẫn ta làm.....

4. Cơ cấu truyền động ăn khớp có bánh răng dẫn là 42 răng, quay 15 vòng/phút bánh răng bị dẫn có 18 răng. Tính tỉ số truyền i và tốc độ quay của bánh còn lại. Hai bánh có chiều quay như thế nào? Muốn thay đổi chiều quay của bánh bị dẫn ta làm sao?

Tóm tắt

$Z_1 =$

$Z_2 =$

$n_1 =$

$n_2 =$

$i = ?$

Tỉ số truyền :

Ta có: $i = \quad =$

Tốc độ quay của bánh răng bị dẫn là:

$$i = \frac{n_2}{n_1} = \quad =$$

$$n_2 = n_1 \times \quad = n_1 \times \quad \rightarrow n_2 = .$$

Hai bánh có chiều quay....., Muốn thay đổi chiều quay của bánh bị dẫn ta làm.....

Dặn dò :

- Học sinh học bài, trả lời câu hỏi
- Về nhà đọc thêm trong SGK
- Chuẩn bị thi HKI

TUẦN 13 MĨ THUẬT 8

Vẽ Tranh

Ngày Nhà Giáo Việt Nam

III. Thực hành:

- Học tham khảo một số bài mẫu



Trường THCS Trần Văn Quang

Tổ : CN - VTM

Ngày Soạn :25/11/2021

Ngày dạy: 29/11/2021

THỂ DỤC 8 Tuần 12 - Tiết 25-26

CHẠY NGẮN

I. MỤC TIÊU MUCTIÊU : KIẾN THỨC, NĂNG LỰC PHẨM CHẤT, YÊU CẦU

1. Kiến thức:

- Ôn : Kỹ thuật xuất phát, Các hướng chạy .
- Học ngồi các hướng chạy
- Học sinh biết cách thực hiện các động tác
- Thực hiện các bước chạy cơ bản.
- Học sinh hiểu được kỹ thuật cơ bản yêu cầu cần thực hiện

2. Năng lực

- Thực hiện cơ bản đúng kỹ thuật, thành tích KT ở mức đạt trở lên
- Thực hiện thành thạo các nội dung kiến thức ôn tập
- Phẩm chất
- Năng lực cần đạt: Năng lực vận động, năng lực thể lực, năng lực lập kế hoạch hoạt động hàng ngày
- Phẩm chất cần đạt : Tự lập, tự tin, tự chủ. Có trách nhiệm với bản thân và cộng đồng...

3. Phẩm chất

- Phẩm chất cần đạt: Tự lập, tự tin, tự chủ, có trách nhiệm với bản thân và cộng

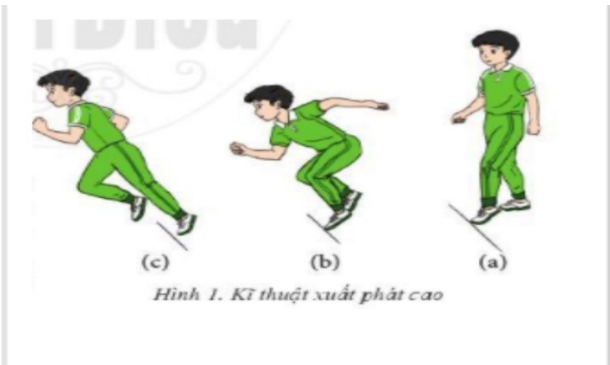
đồng.

- Rèn cho học sinh có thói quen tập luyện thể dục thể thao, tác phong nhanh nhẹn và thái độ nghiêm túc trong giờ học.

4. Yêu cầu

- Tập vừa sức , tùy theo tình hình sức khoẻ của bản thân

II. CHẠY NGẮN :

PHÂN TÍCH	HÌNH ẢNH MINH HỌA
<u>1. Ôn Kỹ thuật xuất phát :</u> Kỹ thuật xuất phát: Xuất phát là giai đoạn đầu tiên trong kỹ thuật chạy cự li ngắn. Trong đó, xuất phát cao là hình thức xuất phát đơn giản và phù hợp với mọi đối tượng tham gia tập luyện các môn chạy. Có ba hiệu lệnh xuất phát cao: “<i>Vào chỗ!</i>”, “<i>Sẵn sàng!</i>” và “<i>Chạy!</i>”. + Vào chỗ!: Khi nghe hiệu lệnh, chân thuận bước lên đặt sau vạch xuất phát, trong tâm dồn đều trên hai chân. Thân trên thẳng. Hai tay buông tự nhiên, mắt nhìn phía trước. + Sẵn sàng!: Khi nghe hiệu lệnh, hai gối khụy, trong tâm dồn vào chân trước. Thân trên ngả ra trước. Hai tay hơi co tự nhiên.	* Yêu cầu: HS thực hiện đúng động tác đã học, nắm và thực hiện được động tác và nghiêm túc trong tập luyện  Hình 1. Kỹ thuật xuất phát cao

+ **Chạy!:** Khi nghe hiệu lệnh, chân trước đập mạnh duỗi thẳng, chân sau nhanh chóng đưa đùi ra trước, hai tay đánh mạnh.

Ôn Các hướng chạy :

1/ Ngồi, mặt hướng chạy:

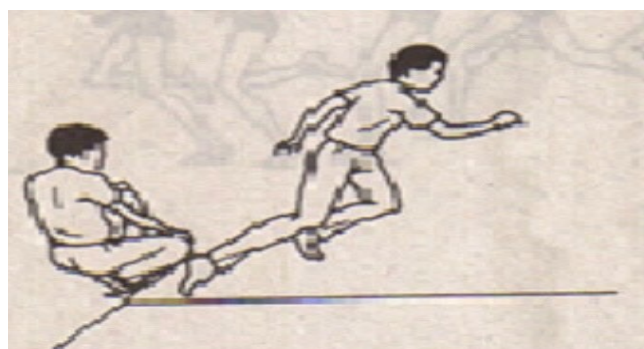
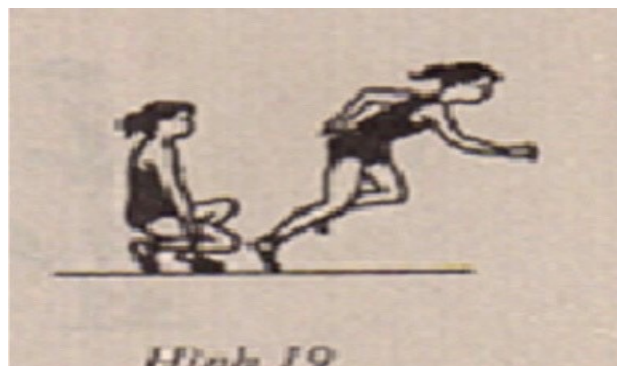
- Chuẩn bị: Ngồi sau vạch xuất phát, ngồi trên gót chân thuận, mũi chân còn lại sát vạch xuất phát, 2 tay buông lỏng, mắt nhìn về hướng chạy.

- Động tác: Khi có lệnh xuất phát, nâng thân, kiễng chân đổ thân về trước, kết hợp đánh tay nhanh chóng xuất phát và chạy nhanh về đích

2/ Ngồi, vai hướng chạy:

- Chuẩn bị: Ngồi trên gót chân thuận, má ngoài bàn chân sát vạch xuất phát, vai cùng phía hướng về hướng chạy, 2 tay buông tự nhiên sẵn sàng xuất phát.

- Động tác: Khi có lệnh “ chạy” xoay chân, nâng thân theo hướng chạy, kết hợp đánh tay chạy nhanh về đích.



3/ Ngồi, lưng hướng chạy:

- Chuẩn bị: Ngồi trên gót chân thuận, gót chân sát mép vạch xuất phát, lưng quay về hướng chạy. Hai tay đặt lên đùi

- Động tác: Khi có lệnh xuất phát, nhanh chóng xoay chân và nâng thân theo hướng chạy, kết hợp đánh tay chạy nhanh về đích.

2. Học

1/ Ngồi, mặt hướng chạy:

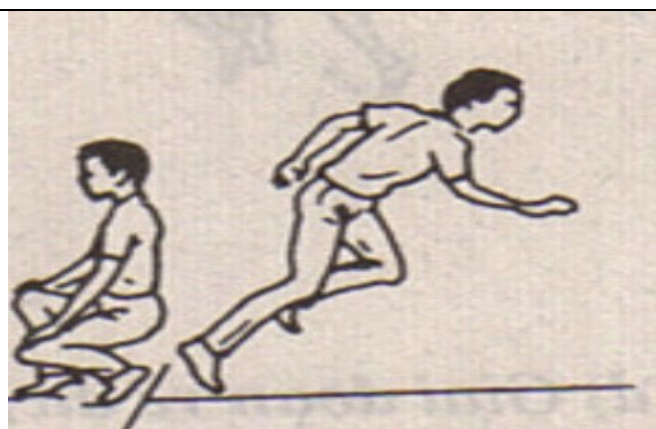
- Chuẩn bị: Ngồi sau vạch xuất phát, ngồi trên gót chân thuận, mũi chân còn lại sát vạch xuất phát, 2 tay buông lỏng, mắt nhìn về hướng chạy.

- Động tác: Khi có lệnh xuất phát, nâng thân, kiểm soát chân đổ thân về trước, kết hợp đánh tay nhanh chóng xuất phát và chạy nhanh về đích

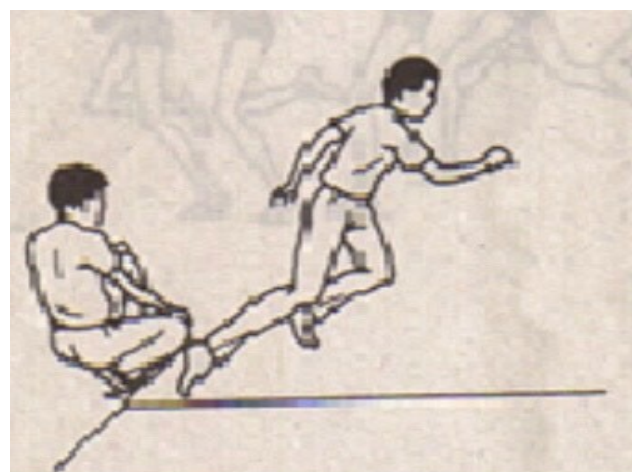
2/ Ngồi, vai hướng chạy:

- Chuẩn bị: Ngồi trên gót chân thuận, má ngoài bàn chân sát vạch xuất phát, vai cùng phía hướng về hướng chạy, 2 tay buông tự nhiên sẵn sàng xuất phát.

- Động tác: Khi có lệnh “chạy” xoay chân, nâng thân theo hướng chạy, kết hợp đánh tay chạy nhanh về đích.



Hình 19

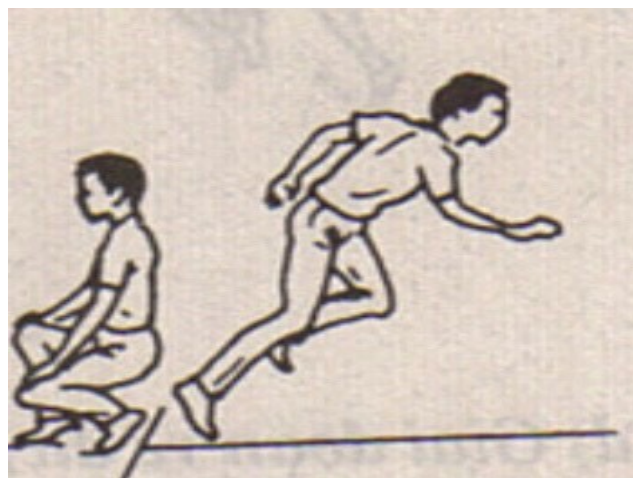


3/ Ngồi, lưng hướng chạy:

- Chuẩn bị: Ngồi trên gót chân thuận, gót chân sát mép vạch xuất phát, lưng quay về hướng chạy. Hai tay đặt lên đùi

- Động tác: Khi có lệnh xuất phát, nhanh chóng xoay chân và nâng thân theo hướng chạy, kết hợp đánh tay chạy nhanh về đích.

. Thả Lỏng :



Các động tác thả lỏng : học sinh thực hiện động tác rũ tay và chân

Dùng 2 tay xoay đùi

Ngồi hai chân duỗi gập thân về trước kéo căng cơ.

TIN HỌC 8

TUẦN 13 (28/11/2021 ĐẾN 04/12/2021)

Bài 5. TỪ BÀI TOÁN ĐẾN CHƯƠNG TRÌNH

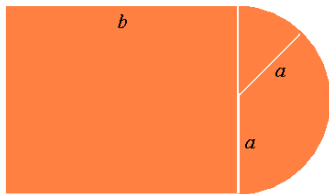
- 1. Bài toán và xác định bài toán:**
- 2. Quá trình giải bài toán trên máy tính.**
- 3. Thuật toán và mô tả thuật toán:**

+ Thuật toán là dãy các thao tác cần thực hiện theo một trình tự xác định để thu được kết quả cần tìm từ những điều kiện cho trước.

+ Ví dụ 1: Mô tả thuật toán để liệt kê các bước pha trà mời khách.

4. Một số ví dụ về thuật toán

- Ví dụ 1: Một hình A được ghép từ một hình chữ nhật với chiều rộng $2a$, chiều dài b và một hình bán nguyệt bán kính a như hình dưới đây:



? Em hãy nêu thuật toán để tính diện tích của hình A

Ví dụ 2: Viết thuật toán tính tổng 100 số tự nhiên đầu tiên.

MÔN ÂM NHẠC 8

Lớp 8 / Tuần 13: Từ ngày 29/11 đến 04/12/2021.

Tiết 13

- Ôn tập bài hát: *Hồ ba lí*
- Nhạc lí: Thứ tự các dấu thăng, giáng ở hoá biểu - Giọng cùng tên
- Tập đọc nhạc: TĐN số 4

Nhạc lí

THỨ TỰ CÁC DẤU THĂNG, GIÁNG Ở HOÁ BIỂU - GIỌNG CÙNG TÊN

1. Thứ tự các dấu thăng, giáng ở hoá biểu

Các dấu hoá ở hoá biểu có 2 loại : các dấu thăng và các dấu giáng, được xuất hiện theo một thứ tự nhất định.

a) Hoá biểu có dấu thăng :

– 1 dấu thăng (Pha thăng)



– 2 dấu thăng (Pha thăng, Đô thăng)



– 3 dấu thăng (Pha thăng, Đô thăng, Son thăng)



– 4 dấu thăng (Pha thăng, Đô thăng, Son thăng, Rê thăng)



b) Hoá biểu có dấu giáng :

– 1 dấu giáng (Si giáng)



– 2 dấu giáng (Si giáng, Mi giáng)



– 3 dấu giáng (Si giáng, Mi giáng, La giáng)



– 4 dấu giáng (Si giáng, Mi giáng, La giáng, Rê giáng)



2. Giọng cùng tên

Giọng cùng tên là một giọng trưởng và một giọng thứ có cùng âm chủ nhưng khác hoá biểu.

Ví dụ :

– La trưởng và La thứ là hai giọng cùng tên

Giọng La trưởng

(Hoá biểu có 3 dấu thăng)



Giọng La thứ

(Hoá biểu không có dấu thăng, giáng)



– Đô trưởng và Đô thứ là hai giọng cùng tên

Giọng Đô trưởng

(Hoá biểu không có dấu thăng, giáng)



Giọng Đô thứ

(Hoá biểu có 3 dấu giáng)



Tập đọc nhạc : TĐN số 4

Chim hát đầu xuân

(Trích)

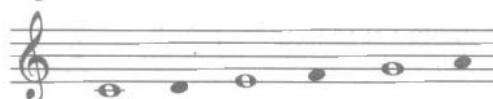
Nhạc và lời : NGUYỄN ĐÌNH TẤN

Chim hát dưới cành đào thơm trong làn ánh nắng
hồng soi ấm thân mình la la la la. Em hát dưới
trời cờ sao sáng ngồi có Bác Hồ nhìn em vui cười.

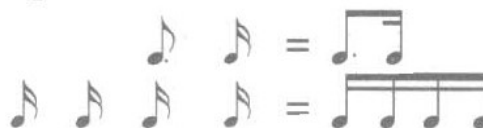
* Nhận xét TĐN số 4 :

– Bản nhạc viết ở giọng Đô trưởng.

– Cao độ : có các âm Đô, Rê, Mi, Pha, Son, La.



– Trường độ : nốt móc kép được sử dụng với 2 dạng :



CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Học thuộc thứ tự các dấu thăng, giáng ở hoá biểu.
2. Đọc nhạc kết hợp đánh nhịp bài TĐN số 4.

